

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 15/07/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Võ Văn Lung	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Lý Thái Hải	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Lương Cao Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Bà Đặng Thanh Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Lý Thái Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Lê Mạnh Hiệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Nguyễn Chí Trường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Đỗ Ngọc Cương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Cao Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2023
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02/06/2022
Ông Võ Văn Lung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/06/2022 và miễn nhiệm ngày 01/01/2023
Ông Nguyễn Duy Thoan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2022
Ông Lê Nho Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2022
Ông Đỗ Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2022
Ông Nguyễn Hữu Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/12/2022
Ông Phạm Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/02/2023
Ông Nguyễn Chí Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/02/2023
Ông Võ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/04/2022
Bà Đỗ Thị Cẩm Tú	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/05/2022
Bà Phan Kim Yến	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 30/04/2022

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trương Kiều Minh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Bà Phạm Thúy Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Ngô Thế Tráng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Bà Bùi Thị Lê	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Tăng Thành Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
Bà Đoàn Thị Minh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lương Cao Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm 31/12/2021, Tổng Công ty chưa đối chiếu, xác nhận đầy đủ các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải trả người bán và người mua trả tiền trước với số tiền lần lượt là 16 tỷ đồng; 1,5 tỷ đồng; 5,3 tỷ đồng và 3,4 tỷ đồng. Điều này đã dẫn đến việc chúng tôi phải nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty. Vấn đề này vẫn chưa được Tổng Công ty khắc phục triệt để, các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải trả người bán và người mua trả tiền trước chưa đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2022 lần lượt là 9,8 tỷ đồng; 1,1 tỷ đồng; 5,5 tỷ đồng và 0,9 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán theo quy định nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

2. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc đánh giá và ước tính chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2022. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cũng như những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại mục "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như Tổng Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 5 - Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31/12/2022, một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng với tổng số tiền là 8,4 tỷ đồng. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Tổng Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Tổng Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi khi quyết toán.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2023-002-1

Ngô Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3999-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		107.339.982.932	105.138.697.873
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.859.668.822	13.213.057.538
111	1. Tiền		12.859.668.822	11.413.057.538
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.800.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.852.063.069	1.263.600.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.852.063.069	1.263.600.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.509.091.308	61.428.563.990
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	36.103.660.086	43.138.481.855
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.748.730.879	4.896.736.007
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.656.700.343	13.393.346.128
140	IV. Hàng tồn kho	8	34.405.392.585	28.865.681.238
141	1. Hàng tồn kho		34.405.392.585	28.865.681.238
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		713.767.148	367.795.107
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		570.195.385	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	143.571.763	367.795.107
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		34.646.942.108	23.006.243.882
220	II. Tài sản cố định		12.914.674.795	14.217.985.960
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	12.914.674.795	14.217.985.960
222	- Nguyên giá		39.603.436.318	42.764.228.474
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.688.761.523)	(28.546.242.514)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		1.094.660.000	1.094.660.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.094.660.000)	(1.094.660.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	12.566.704.268	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		12.566.704.268	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	7.831.723.669	7.603.999.306
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.186.000.000	4.186.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.050.000.000	2.050.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.595.723.669	1.367.999.306
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.333.839.376	1.184.258.616
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	519.798.097	370.217.337
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		814.041.279	814.041.279
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		141.986.925.040	128.144.941.755

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		75.218.774.391	64.736.996.488
310	I. Nợ ngắn hạn		65.261.051.446	62.386.587.389
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	23.215.088.492	14.797.042.737
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	8.977.643.837	5.990.994.315
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.155.096.822	2.437.003.906
314	4. Phải trả người lao động		1.940.802.781	2.474.417.063
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.346.497.429	3.062.912.909
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	8.241.029.120	12.226.121.975
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	18.756.273.580	20.150.719.089
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		628.619.385	1.247.375.395
330	II. Nợ dài hạn		9.957.722.945	2.350.409.099
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	9.957.722.945	2.089.909.099
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	-	260.500.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		66.768.150.649	63.407.945.267
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	66.768.150.649	63.407.945.267
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.000.000.000	44.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		44.000.000.000	44.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.995.748.115	15.490.543.089
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.772.402.534	3.917.402.178
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		22.729.927	22.729.927
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		3.749.672.607	3.894.672.251
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		141.986.925.040	128.144.941.755

Phạm Vũ Toàn
Người lập

Đỗ Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng

Lương Cao Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.436.697.902	4.453.426.408
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.371.311.165	1.450.659.031
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	49.417.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.612.398.594)	(1.431.191.079)
06	- Chi phí lãi vay		1.156.021.899	973.207.407
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.351.632.372	5.495.518.767
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		5.495.903.915	16.067.509.059
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.539.711.347)	(8.552.064.220)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		15.396.176.542	(8.312.179.179)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(149.580.760)	154.882.244
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.048.079.197)	(975.227.407)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(277.459.628)	(900.000.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.008.223.235)	(1.838.861.677)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.220.658.662	1.139.577.587
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.634.704.268)	(287.881.818)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		816.326.559	402.454.546
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.852.063.069)	(1.263.600.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.263.600.000	1.200.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(227.724.363)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.796.072.035	1.028.736.533
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(12.838.493.106)	1.079.709.261
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		15.087.237.371	7.692.303.543
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(16.481.682.880)	(11.420.399.015)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.341.108.763)	(558.445.650)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.735.554.272)	(4.286.541.122)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(353.388.716)	(2.067.254.274)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		13.213.057.538	15.329.728.812
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(49.417.000)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>12.859.668.822</u>	<u>13.213.057.538</u>


Phạm Vũ Toàn
Người lập


Đỗ Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng



Lương Cao Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 15/07/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 44.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 44.000.000.000 đồng; tương đương 4.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 201 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 245 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng, thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ, thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thủy lợi, thủy điện;
- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình;
- Tham gia đào tạo bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán công trình (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong Xây dựng) và hợp đồng kinh tế trong xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính).

Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Tư vấn 11 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 11)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Tầng 3, tòa nhà số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 14)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Số 95/8/116, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Công ty Khảo sát và Xây dựng số 15 - (HEC 15)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Chi nhánh Tổng Công ty tại tỉnh Nghệ An (HEC 16)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Số 100, Mai Hắc Đế, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty In Thủy lợi - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội	Dịch vụ in ấn	Số 107, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Số 61/33 Bình Giã, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi Việt nam - CTCP tại Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Số 52, đường Đồng Đa, thành Phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm	03 - 05 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, số tiền khách hàng trả trước cho công trình thực hiện trong nhiều năm.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Mặt khác, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.375.740.511	1.497.411.224
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.483.928.311	9.915.646.314
Các khoản tương đương tiền	-	1.800.000.000
	<u><u>12.859.668.822</u></u>	<u><u>13.213.057.538</u></u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.852.063.069	-	1.263.600.000	-
	3.852.063.069	-	1.263.600.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2022 các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 3.852.063.069 VND với lãi suất 4,6%/năm được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được dùng để đảm bảo cho hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. (Xem thêm thông tin tại thuyết minh 19).

b) Dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	4.186.000.000	-	4.186.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	1.679.000.000	-	1.679.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	2.507.000.000	-	2.507.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	2.050.000.000	-	2.050.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.050.000.000	-	1.050.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.595.723.669	-	1.367.999.306	-
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	1.595.723.669	-	1.367.999.306	-
	7.831.723.669	-	7.603.999.306	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính riêng

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Đầu tư vào Công ty con

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	58,76%	58,76%	Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát xây dựng
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	50,65%	50,65%	Quảng Ngãi	Tư vấn, thiết kế xây dựng

Đầu tư vào Công ty liên kết

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	30,00%	30,00%	Ninh Bình	Tư vấn, khảo sát xây dựng
- Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	40,00%	40,00%	Hà Nội	Tư vấn, khảo sát xây dựng

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	18,60%	18,60%	Hà Nội	Tư vấn, khảo sát xây dựng

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ban QLDA đầu tư và xây dựng Thủy lợi 7	1.372.782.000	-	2.958.219.000	-
- Ban QLDA Sông Tích	1.217.413.000	-	1.217.413.000	-
- Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Thọ	549.520.000	-	1.122.200.000	-
- Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Thanh Hoá	3.871.204.699	-	4.194.439.699	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình giao thông TP.Hà Nội	408.169.923	-	395.840.600	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi	1.631.000.000	-	1.631.000.000	-
- Công ty Cổ phần đầu tư Vinacco	260.525.000	-	260.525.000	-
- Bộ Tư lệnh lãng bảo vệ Hồ Chí Minh	301.386.421	-	300.286.449	-
- Vụ đê điều - Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công trình Mặt cát Sông Hồng	-	-	3.015.150.000	-
- Công ty Hiệp Phú - Khoan phụt Hồ Noong mò	329.114.000	-	329.114.000	-
- Phải thu khách hàng khác	26.162.545.043	-	27.714.294.107	-
	36.103.660.086	-	43.138.481.855	-

Trong đó, tổng số công nợ đã quá hạn thanh toán là 8,4 tỷ đồng, tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.380.000.000	-	1.530.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	350.500.000	-	839.455.000	-
- Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	682.005.000	-	682.005.000	-
	2.412.505.000	-	3.051.460.000	-
<i>Bên khác</i>				
- Trả trước cho người bán khác	2.336.225.879	-	1.845.276.007	-
	2.336.225.879	-	1.845.276.007	-
	4.748.730.879	-	4.896.736.007	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu người lao động	5.049.584.707	-	3.297.048.404	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	51.982.204	-	344.954.063	-
Tạm ứng	9.162.597.147	-	7.982.471.318	-
Phải thu người lao động tiền thuế TNCN	5.000.000	-	286.346.491	-
Phải thu về đề tài khoa học	-	-	405.000.000	-
Phải thu khác	387.536.285	-	1.077.525.852	-
	14.656.700.343	-	13.393.346.128	-
<i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
Phải thu bên khác	14.656.700.343	-	13.393.346.128	-
	14.656.700.343	-	13.393.346.128	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.106.961.511	-	1.149.682.665	-
Công cụ, dụng cụ	103.710.608	-	130.077.003	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.194.720.466	-	27.585.921.570	-
	34.405.392.585	-	28.865.681.238	-

9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Dự án sửa chữa cải tạo trụ sở văn phòng Công ty	12.566.704.268	-
	12.566.704.268	-

Tên dự án: Dự án sửa chữa cải tạo trụ sở văn phòng Công ty

- Địa điểm xây dựng: số 02, ngõ 95, phố Chùa Bộc, Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Mục đích xây dựng: Phục vụ sử dụng nội bộ và cho thuê văn phòng;
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay;
- Tổng mức đầu tư: 35 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: Thực hiện từ tháng 10/2022 và dự kiến hoàn thành trong tháng 5/2023;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2022: Đã hoàn thành mặt trước của tòa nhà, đang trong giai đoạn hoàn thiện nội thất, lát sàn, trần thạch cao.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI VIỆT NAM - CTCP
Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	20.099.094.112	10.119.035.178	11.299.553.350	1.060.866.995	185.678.839	42.764.228.474
- Mua trong kỳ	-	-	-	68.000.000	-	68.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.326.893.516)	(1.632.333.997)	(269.564.643)	-	(3.228.792.156)
Số dư cuối kỳ	20.099.094.112	8.792.141.662	9.667.219.353	859.302.352	185.678.839	39.603.436.318
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	8.267.568.798	9.360.219.292	9.832.251.374	900.524.211	185.678.839	28.546.242.514
- Khấu hao trong kỳ	517.121.934	289.377.355	487.901.080	76.910.796	-	1.371.311.165
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.326.893.516)	(1.632.333.997)	(269.564.643)	-	(3.228.792.156)
Số dư cuối kỳ	8.784.690.732	8.322.703.131	8.687.818.457	707.870.364	185.678.839	26.688.761.523
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	11.831.525.314	758.815.886	1.467.301.976	160.342.784	-	14.217.985.960
Tại ngày cuối kỳ	11.314.403.380	469.438.531	979.400.896	151.431.988	-	12.914.674.795

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.117.767.619 đồng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại thời điểm 31/12/2022, tài sản cố định vô hình của Công ty là các loại phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế là 1.094.660.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	149.142.769	44.708.257
Công cụ dụng cụ xuất dùng	269.263.542	227.374.080
Chi phí trả trước dài hạn khác	101.391.786	98.135.000
	<u>519.798.097</u>	<u>370.217.337</u>

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Trường Thịnh	-	2.175.000.000
Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	3.000.000.000	1.100.000.000
Ban QLDA tỉnh Hà Tĩnh - Hương Khê	-	1.285.000.000
Công ty Cổ phần Lahills Hòa Bình	3.786.700.337	-
Các khoản người mua trả trước khác	2.190.943.500	1.430.994.315
	<u>8.977.643.837</u>	<u>5.990.994.315</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.222.572.000	1.222.572.000	193.141.000	193.141.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	5.384.071.000	5.384.071.000	1.893.291.000	1.893.291.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	4.172.323.000	4.172.323.000	2.944.924.000	2.944.924.000
- Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	-	-	127.749.000	127.749.000
	10.778.966.000	10.778.966.000	5.159.105.000	5.159.105.000
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Tư vấn Xây dựng Điện I	730.500.000	730.500.000	730.500.000	730.500.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thanh Hóa	800.736.000	800.736.000	733.022.000	733.022.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Ninh	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu Tư Xây dựng và Phát triển Nông thôn	213.234.000	213.234.000	213.234.000	213.234.000
- Công ty TNHH trắc địa Việt Nam	-	-	1.320.175.000	1.320.175.000
- Phải trả nhà cung cấp khác	8.646.558.492	8.646.558.492	4.595.912.737	4.595.912.737
	12.436.122.492	12.436.122.492	9.637.937.737	9.637.937.737
	23.215.088.492	23.215.088.492	14.797.042.737	14.797.042.737

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.880.375.287	4.074.472.079	4.657.821.059	123.412.563	1.420.438.870
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	77.596.726	-	992.956.758	277.459.628	-	637.900.404
Thuế Thu nhập cá nhân	270.078.781	274.099.755	483.715.959	390.979.385	-	96.757.548
Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	-	239.548.683	3.004.092.172	3.243.640.855	-	-
Các loại thuế khác	-	42.980.181	8.000.000	50.980.181	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.119.600	-	-	39.600	20.159.200	-
	367.795.107	2.437.003.906	8.563.236.968	8.620.920.708	143.571.763	2.155.096.822

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	118.144.702	10.202.000
- Chi phí trích trước thầu phụ các công trình	1.228.352.727	3.052.710.909
	<u>1.346.497.429</u>	<u>3.062.912.909</u>

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	7.975.268.400	107.454.554
- Doanh thu giám sát tác giả	1.982.454.545	1.982.454.545
	<u>9.957.722.945</u>	<u>2.089.909.099</u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	2.642.026.683	2.669.219.183
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.076.075.937	4.417.184.700
- Phải trả Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công trình thủy lợi Bình Thuận	638.199.355	1.041.639.355
- Phải trả tiền bảo hiểm các công trình	73.274.000	73.268.001
- Các khoản tiền vay phải trả cán bộ nhân viên	2.861.995.468	2.808.014.753
- Phải trả về đề tài khoa học	-	405.000.000
- Phải trả Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	468.411.300	468.411.300
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	481.046.377	343.384.683
	<u>8.241.029.120</u>	<u>12.226.121.975</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	260.500.000
	<u>-</u>	<u>260.500.000</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPC**Báo cáo tài chính riêng**

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	4.849.308.850	4.849.308.850	14.598.694.371	10.103.902.962	9.344.100.259	9.344.100.259
- Vay cá nhân ⁽²⁾	15.301.410.239	15.301.410.239	488.543.000	6.377.779.918	9.412.173.321	9.412.173.321
	20.150.719.089	20.150.719.089	15.087.237.371	16.481.682.880	18.756.273.580	18.756.273.580

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/CTD/VCBHN-TVTL ngày 23/11/2022, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng;

+ Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không vượt quá ngày 02/12/2023;

+ Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ;

+ Số dư vay tại thời điểm cuối kỳ là: 9.344.100.259 đồng;

+ Các hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo bằng tiền gửi của Bên vay tại ngân hàng với tổng giá trị là 3.852.063.069 đồng.

(2) Các khoản vay cá nhân, người lao động và công đoàn Công ty với lãi suất từ 5,5%/năm đến 12%/năm, theo hình thức tín chấp với thời hạn vay từ 03 tháng đến 12 tháng, số dư vay tại thời điểm 31/12/2022 là: 9.412.173.321 đồng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	44.000.000.000	15.049.472.089	4.410.710.214	63.460.182.303
Lãi trong kỳ trước	-	-	3.894.672.251	3.894.672.251
Phân phối lợi nhuận	-	441.071.000	(4.410.710.214)	(3.969.639.214)
Tăng khác	-	-	22.729.927	22.729.927
Số dư cuối kỳ trước	44.000.000.000	15.490.543.089	3.917.402.178	63.407.945.267
Số dư đầu kỳ này	44.000.000.000	15.490.543.089	3.917.402.178	63.407.945.267
Lãi trong kỳ này	-	-	3.749.672.607	3.749.672.607
Phân phối lợi nhuận	-	3.505.205.026	(3.894.672.251)	(389.467.225)
Số dư cuối kỳ này	44.000.000.000	18.995.748.115	3.772.402.534	66.768.150.649

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 63/2022/NQ - ĐHDCCD ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100	3.894.672.251
Trích Quỹ đầu tư phát triển	90	3.505.205.026
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10	389.467.225

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (*)	-	-	49,00	21.560.000.000
Nguyễn Hoàng Linh	32,75	14.410.000.000	-	-
Các cổ đông khác	67,25	29.590.000.000	51,00	22.440.000.000
	100	44.000.000.000	100	44.000.000.000

Ngày 17/01/2022, Tổng Công ty Đầu tư kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) - cổ đông lớn của Công ty đã báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu HEJ của Tổng Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam (HEC Corp). Theo đó SCIC đã bán ra toàn bộ 2.156.000 cổ phiếu HEJ (tỷ lệ 49%) theo hình thức đấu giá và không còn là cổ đông lớn.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	44.000.000.000	44.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	44.000.000.000	44.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	4.417.184.700	1.675.630.350
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	-	3.300.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	3.300.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(3.341.108.763)	(558.445.650)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(3.341.108.763)	(558.445.650)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	1.076.075.937	4.417.184.700

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.995.748.115	15.490.543.089
	18.995.748.115	15.490.543.089

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết thuê hoạt động**

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 02, ngõ 95 phố Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng làm trụ sở làm việc của Tổng công ty và Công ty In Thủy lợi từ năm 2007 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 2.060 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại thửa đất số 71, thuộc thị trấn Bản Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên để sử dụng với mục đích xây dựng kho lưu giữ thiết bị, vật tư phục vụ công tác khảo sát và thăm dò địa chất các công trình thủy lợi và dịch vụ sản xuất từ năm 1993 đến năm 2042. Diện tích khu đất thuê là 4.359 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 52 Đống Đa, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa để sử dụng với mục đích làm văn phòng từ năm 2009 đến năm 2029. Diện tích khu đất thuê là 507 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 100 Mai Hắc Đế, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc từ năm 2005 đến năm 2025. Diện tích khu đất thuê là 4.606,7 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất số 279/HĐ - TĐ ngày 14 tháng 04 năm 2004 tại xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc. Diện tích khu đất thuê là 2.905 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	-	98.834,00

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ khí	1.805.235.869	1.805.235.869
Công ty Cổ phần Licogi 17	637.500.000	637.500.000

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	76.289.187.267	71.792.091.756
	<u><u>76.289.187.267</u></u>	<u><u>71.792.091.756</u></u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	61.921.155.116	60.214.027.484
	61.921.155.116	60.214.027.484
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	9.124.869.550	3.313.746.454
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>		

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	225.135.035	97.567.533
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	133.043.510	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.570.937.000	931.169.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	208.156.723	-
	2.137.272.268	1.028.736.533
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan	893.160.000	405.560.000
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>		

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.156.021.899	973.207.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	49.417.000
Chi phí tài chính khác	5.571.451	2.903.239
	1.161.593.350	1.025.527.646

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	574.332.953	350.222.363
Chi phí nhân công	2.264.222.310	2.586.033.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	558.465.816	541.054.540
Thuế, phí, lệ phí	2.521.138.758	2.124.155.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.351.426.550	601.870.754
Chi phí khác bằng tiền	2.952.027.504	4.354.875.230
	11.221.613.891	10.558.211.560

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	816.326.559	402.454.546
Thu tiền đề tài khoa học	200.000.000	1.152.380.952
Tiền cho thuê văn phòng	29.807.459	3.102.222.745
Tiền thu phạt vi phạm hợp đồng	72.000.000	-
Thu nhập khác	315.666.648	2.554.545
	1.433.800.666	4.659.612.788

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	492.821.146	19.247.979
Chi phí đề tài khoa học	200.000.000	1.210.000.000
Các khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng	190.000.000	-
Chi phí khác	236.378.796	-
	1.119.199.942	1.229.247.979

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.436.697.902	4.453.426.408
Các khoản điều chỉnh tăng	569.365.571	229.747.979
- Chi phí không hợp lệ	569.365.571	229.747.979
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.570.937.000)	(931.169.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.570.937.000)	(931.169.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.435.126.473	3.752.005.387
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	191.646.920
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	687.025.295	558.754.157
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này	305.931.463	(22.729.927)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(77.596.726)	286.379.044
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(277.459.628)	(900.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	637.900.404	(77.596.726)

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.043.626.235	8.428.242.416
Chi phí nhân công	22.670.132.773	29.825.540.446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.371.311.165	1.450.659.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.112.761.703	13.397.641.711
Chi phí khác bằng tiền	28.553.736.027	26.409.849.249
	78.751.567.903	79.511.932.853

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.859.668.822	-	-	12.859.668.822
Phải thu khách hàng, phải thu khác	50.760.360.429	-	-	50.760.360.429
Các khoản cho vay	3.852.063.069	-	-	3.852.063.069
	67.472.092.320	-	-	67.472.092.320
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.213.057.538	-	-	13.213.057.538
Phải thu khách hàng, phải thu khác	56.531.827.983	-	-	56.531.827.983
Các khoản cho vay	1.263.600.000	-	-	1.263.600.000
	71.008.485.521	-	-	71.008.485.521

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay	18.756.273.580	-	-	18.756.273.580
Phải trả người bán, phải trả khác	31.456.117.612	-	-	31.456.117.612
Chi phí phải trả	1.346.497.429	-	-	1.346.497.429
	51.558.888.621	-	-	51.558.888.621

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Tại ngày 01/01/2022

Vay	20.150.719.089	-	-	20.150.719.089
Phải trả người bán, phải trả khác	27.023.164.712	260.500.000	-	27.283.664.712
Chi phí phải trả	3.062.912.909	-	-	3.062.912.909
	50.236.796.710	260.500.000	-	50.497.296.710

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		9.124.869.550	3.313.746.454
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	1.181.970.510	347.802.727
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	Công ty con	3.707.618.182	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	4.140.009.949	2.845.222.727
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	95.270.909	120.721.000
Cổ tức nhận được		893.160.000	405.560.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	105.000.000	105.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	Công ty con	587.600.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	200.560.000	200.560.000
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	-	100.000.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thù lao của Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát			
Võ Văn Lung	Chủ tịch HĐQT	-	108.000.000
Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên	-	64.800.000
Lê Mạnh Hiệp	Thành viên	-	64.800.000
Nguyễn Chí Trường	Thành viên	-	64.800.000
Đỗ Ngọc Cương	Thành viên	-	64.800.000
Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT	81.000.000	-
Lý Thái Hải	Thành viên	48.600.000	-
Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	48.600.000	-
Lương Cao Anh	Thành viên	48.600.000	-
Đặng Thanh Tú	Thành viên	48.600.000	-
Trương Kiều Minh	Trưởng BKS	36.000.000	-
Nguyễn Thế Tráng	Thành viên BKS	21.600.000	-
Phạm Thúy Quỳnh	Thành viên BKS	21.600.000	-
Bùi Thị Lê	Trưởng BKS	32.400.000	179.591.000
Đoàn Thị Minh Phương	Thành viên BKS	-	28.800.000
Tăng Thành Long	Thành viên BKS	-	28.800.000
	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát			
Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc	286.384.000	315.880.000
Võ Văn Lung	Tổng Giám đốc	315.372.800	241.680.000
Phan Kim Yến	Kế toán trưởng	-	238.500.000
Nguyễn Duy Thoan	Phó Tổng Giám đốc	295.551.000	-
Lê Nho Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	55.963.000	-
Đỗ Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc	95.000.000	-
Nguyễn Hữu Cường	Phó Tổng Giám đốc	-	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Phạm Vũ Toàn
Người lập

Đỗ Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng

Lương Cao Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

